

PHỤ LỤC I

DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số: 538 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2022																				Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:																				
			Dự án 1	Dự án 3			Dự án 4 (TDA 1)	Dự án 5				Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9			Dự án 10					
				Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án			Chi tiết tiểu dự án							Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án				
TDA 1	TDA 2	TDA 1	TDA 2		TDA 3	TDA 4	TDA 1	TDA 2	TDA 1	TDA 2	TDA 1	TDA 2	TDA 3										
	TỔNG SỐ	147,380	7,430	76,968	57,174	19,794	6,529	38,619	15,050	3,627	16,162	3,780	2,810	2,790	6,382	2,027	624	1,403	3,825	2,383	610	832	
I	Cấp tỉnh	47,873		16,886	15,105	1,781	208	19,405	14,057	2,109	404	2,835	1,686	2,790	3,829	1,255	624	631	1,814	956	409	449	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,839		10,822	9,674	1,148													17			17	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	421						404			404								17			17	
3	Ban Dân tộc	6,315		197		197		3,495		660		2,835				1,255	624	631	1,368	861	305	202	
4	Sở Công Thương	147		139		139													8			8	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	14,366						14,349	14,057	292									17			17	
6	Sở Nội vụ	581						573		573									8			8	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1,703											1,686						17			17	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	3,846													3,829				17			17	
9	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	199		99		99													100		92	8	
10	Hội Nông dân tỉnh	107		99		99													8			8	
11	Tinh đoàn	107		99		99													8			8	
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	25																	25			25	
13	Ban Dân vận Tỉnh ủy	8																	8			8	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	100																	100	71	12	17	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8																	8			8	
16	Sở Tài chính	8																	8			8	
17	Sở Y tế	3,006					208							2,790					8			8	
18	Sở Tư pháp	32																	32	24		8	
19	Sở Giao thông Vận tải	8																	8			8	
20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum	8																	8			8	
21	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray	4,741		4,741	4,741																		
22	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	690		690	690																		
23	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	8																	8			8	
24	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	300						292		292									8			8	
25	Công an tỉnh	300						292		292									8			8	
II	Cấp huyện	99,507	7,430	60,082	42,069	18,013	6,321	19,214	993	1,518	15,758	945	1,124		2,553	772		772	2,011	1,427	201	383	

TT	Đơn vị, địa phương	Dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2022																				Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:																				
			Dự án 1	Dự án 3			Dự án 4 (TDA 1)	Dự án 5				Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9		Dự án 10						
				Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án			Chi tiết tiểu dự án							Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án				
					TDA 1	TDA 2		TDA 1	TDA 2	TDA 3	TDA 4					TDA 1	TDA 2		TDA 1	TDA 2	TDA 3		
1	Thành phố Kon Tum	4,373	224	1,054	601	453	208	2,456	19	231	2,187	19	96		93	57		57	185	163	1	21	
2	Huyện Đắk Hà	10,036	1,006	6,060	4,376	1,684	672	1,646	94	143	1,311	98	107		279	59		59	207	149	20	38	
3	Huyện Đắk Tô	8,931	447	5,668	4,332	1,336	526	1,728	59	143	1,440	86	83		220	76		76	183	128	19	36	
4	Huyện Ngọc Hồi	6,944	175	4,543	4,195	348	140	1,665	19	132	1,493	21	147		59	66		66	149	130	4	15	
5	Huyện Tu Mơ Rông	14,500	1,323	7,751	3,592	4,159	1,215	3,193	153	187	2,667	186	155		465	108		108	290	179	42	69	
6	Huyện Đắk Glei	14,632	988	9,651	5,771	3,880	1,129	1,875	106	198	1,400	171	147		444	89		89	309	206	38	65	
7	Huyện Sa Thầy	13,872	885	9,868	7,888	1,980	798	1,600	310	165	1,000	125	79		338	92		92	212	137	27	48	
8	Huyện Kon Rẫy	9,776	852	4,999	3,530	1,469	582	2,775	111	110	2,473	81	107		237	62		62	162	117	16	29	
9	Huyện Kon Plông	8,706	765	4,814	3,061	1,753	684	1,703	109	154	1,333	107	147		279	101		101	213	147	23	43	
10	Huyện Ia H'Drai	7,737	765	5,674	4,723	951	367	573	13	55	454	51	56		139	62		62	101	71	11	19	

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025

- 1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- 2 Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
- Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 3 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
- Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 4 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng DBDTTS

Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.
- 5 Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
- 6 Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em
- 7 Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em
- 8 Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
- Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 9 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình
- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình

Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

PHỤ LỤC II

DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 GIAO CHO SỞ, BAN, NGÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030; GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 538 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:																									Ghi chú
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	Ban Dân tộc	Sở Công Thương	Hội Nông dân	Tỉnh Đoàn	Liên Minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Sở Tư pháp	Sở Giao thông Vận tải	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam CN tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Ban Dân vận tỉnh uỷ	
	TỔNG CỘNG	47,873	10,839	4,741	690	6,315	147	107	107	199	3,006	14,366	300	300	581	421	1,703	3,846	100	8	8	32	8	8	8	25	8	
I	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	16,886	10,822	4,741	690	197	139	99	99	99																		
I.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	15,105	9,674	4,741	690																							
1	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	11,942	6,511	4,741	690																							
2	Hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch, rừng phòng hộ và rừng sản xuất	2,593	2,593																									
3	Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	570	570																									
I.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,781	1,148			197	139	99	99	99																		
1	Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	848	848																									
2	Nội dung số 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN	933	300			197	139	99	99	99																		
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	208									208																	
II.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	208									208																	
1	Sửa chữa, bảo dưỡng trạm y tế	208									208																	
-	Lập Dự án chuẩn bị đầu tư xây mới và sửa chữa Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông; ĐăkPxí; Đăk Rơ ve; xã Hiếu; Đăk Tăng; ĐăkRing; Đăk nên và Đăk Tô Re	208									208																	

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:																								Ghi chú	
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	Ban Dân tộc	Sở Công Thương	Hội Nông dân	Tỉnh Đoàn	Liên Minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Sở Tư pháp	Sở Giao thông Vận tải	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam CN tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh		Ban Dân vận tỉnh uỷ
	TỔNG CỘNG	47,873	10,839	4,741	690	6,315	147	107	107	199	3,006	14,366	300	300	581	421	1,703	3,846	100	8	8	32	8	8	8	25	8	
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	19,405				3,495						14,349	292	292	573	404	-	-	-									
III.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	14,057										14,057																
1	Mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu, trang thiết bị phòng học bộ môn cho các Trường Phổ thông dân tộc nội trú và Trường Phổ thông dân tộc bán trú	14,057										14,057																
III.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2,109				660						292	292	292	573													
1	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1,536				660						292	292	292														
2	Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	408													408													
3	Đào tạo sau đại học	165													165													
III.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	404														404												
1	Hỗ trợ tuyên truyền giới thiệu tư vấn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động	50														50												
2	Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở	204														204												
3	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động kết nối việc làm của các Trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm; hỗ trợ chi phí dịch vụ cho các TT cơ sở giới thiệu việc làm...	150														150												
III.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	2,835				2,835																						
1	Tổ chức đi học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình	323				323																						
2	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	2,512				2,512																						

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:																								Ghi chú
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	Ban Dân tộc	Sở Công Thương	Hội Nông dân	Tỉnh Đoàn	Liên Minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Sở Tư pháp	Sở Giao thông Vận tải	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam CN tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	
	TỔNG CỘNG	47,873	10,839	4,741	690	6,315	147	107	107	199	3,006	14,366	300	300	581	421	1,703	3,846	100	8	8	32	8	8	25	8	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1,686			690												1,686										
1	Khôi phục bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống: lễ hội truyền thống của dân tộc Rơ Măm	443															443										
2	Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum	280															280										
3	Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể	149															149										
4	Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống cấp tỉnh	401															401										
5	Hỗ trợ chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch	150															150										
6	Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	263															263										
V	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (*)	2,790									2,790																
1	Phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	880									880																
2	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	484									484																
3	Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	1,426									1,426																
VI	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3,829												-	-	-	-	3,829									
1	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”	2,551																2,551									
2	Xây dựng nhân rộng mô hình thay đổi nếp nghĩ cách làm	429																429									
3	Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế -xã hội của cộng đồng	821																821									

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:																							Ghi chú	
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	Ban Dân tộc	Sở Công Thương	Hội Nông dân	Tỉnh Đoàn	Liên Minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Sở Tư pháp	Sở Giao thông Vận tải	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam CN tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
	TỔNG CỘNG	47,873	10,839	4,741	690	6,315	147	107	107	199	3,006	14,366	300	300	581	421	1,703	3,846	100	8	8	32	8	8	25	8	
4	Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị.	28															28										
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1,255				1,255																					
VII.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	624				624																					
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế	624				624																					
VII.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	631				631																					
1	Công tác truyền thông	450				450																					
2	Bồi dưỡng nâng cao năng lực	150				150																					
3	Kiểm tra, đánh giá	31				31																					
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1,814	17			1,368	8	8	8	100	8	17	8	8	8	17	17	17	100	8	8	32	8	8	8	25	8
VIII.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	956				861												71		24							
1	Nội dung số 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	588				517													71								
2	Nội dung số 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số	344				344																					
3	Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	24																			24						
VIII.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	409				305				92									12								

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:																								Ghi chú	
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	Ban Dân tộc	Sở Công Thương	Hội Nông dân	Tỉnh Đoàn	Liên Minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Chỉ huy Quản sự tỉnh	Công an tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Sở Tư pháp	Sở Giao thông Vận tải	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam CN tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh		Ban Dân vận tỉnh uỷ
	TỔNG CỘNG	47,873	10,839	4,741	690	6,315	147	107	107	199	3,006	14,366	300	300	581	421	1,703	3,846	100	8	8	32	8	8	8	25	8	
VIII.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	449	17			202	8	8	8	8	8	17	8	8	8	17	17	17	17	8	8	8	8	8	8	25	8	

Ghi chú:

(*): Sở Y tế chủ trì, lựa chọn nội dung, hoạt động thuộc Dự án 7 - Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em để triển khai thực hiện, trong đó ưu tiên phân khai dự toán hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn, bản; Đào tạo chuyên môn cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản và các nội dung chế độ hỗ trợ nhân viên y tế ;.....

DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 GIAO CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 538 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:										Ghi chú
			Huyện Tu Mơ Rông	Huyện Kon Plông	Huyện Đăk Glei	Huyện Sa Thầy	Huyện Kon Rẫy	Huyện Ia H'Drai	Huyện Đăk Tô	Huyện Đăk Hà	Huyện Ngọc Hồi	Thành phố Kon Tum	
	TỔNG CỘNG	99,507	14,500	8,706	14,632	13,872	9,776	7,737	8,931	10,036	6,944	4,373	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	7,430	1,323	765	988	885	852	765	447	1,006	175	224	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	60,082	7,751	4,814	9,651	9,868	4,999	5,674	5,668	6,060	4,543	1,054	
II.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	42,069	3,592	3,061	5,771	7,888	3,530	4,723	4,332	4,376	4,195	601	
II.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18,013	4,159	1753	3880	1,980	1,469	951	1,336	1,684	348	453	
1	Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	16,033	3,169	1,753	2,890	1,980	1,469	951	1,336	1,684	348	453	
2	Nội dung số 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu	1,980	990		990								
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	6,321	1215	684	1129	798	582	367	526	672	140	208	
III.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6,321	1215	684	1129	798	582	367	526	672	140	208	
1	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng	6,321	1,215	684	1,129	798	582	367	526	672	140	208	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	19,214	3193	1703	1875	1,600	2775	573	1728	1,646	1,665	2,456	
IV.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	993	153	109	106	310	111	13	59	94	19	19	
1	Công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	993	153	109	106	310	111	13	59	94	19	19	
IV.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,518	187	154	198	165	110	55	143	143	132	231	
1	Đào tạo đại học	1,518	187	154	198	165	110	55	143	143	132	231	

STT	Dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022	Trong đó:										Ghi chú
			Huyện Tu Mơ Rông	Huyện Kon Plông	Huyện Đăk Glei	Huyện Sa Thầy	Huyện Kon Rẫy	Huyện Ia H'Drai	Huyện Đăk Tô	Huyện Đăk Hà	Huyện Ngọc Hồi	Thàn h phố Kon Tum	
IV.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	15,758	2,667	1,333	1,400	1,000	2,473	454	1,440	1,311	1,493	2,187	
IV.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	945	186	107	171	125	81	51	86	98	21	19	
1	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng	945	186	107	171	125	81	51	86	98	21	19	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1,124	155	147	147	79	107	56	83	107	147	96	
VI	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	2,553	465	279	444	338	237	139	220	279	59	93	
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	772	108	101	89	92	62	62	76	59	66	57	
VII.1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	772	108	101	89	92	62	62	76	59	66	57	
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2,011	290	213	309	212	162	101	183	207	149	185	
VIII.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	1,427	179	147	206	137	117	71	128	149	130	163	
1	Nội dung số 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	852	111	90	131	74	73	51	72	93	80	77	
2	Nội dung số 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số	575	68	57	75	63	44	20	56	56	50	86	
VIII.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201	42	23	38	27	16	11	19	20	4	1	
VIII.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	383	69	43	65	48	29	19	36	38	15	21	